TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 114/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 11 - 2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích

Ông Nguyễn Thiện Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre*** *tham gia phiên toà:*

Lê Quốc Bảo - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:177/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 111/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị H, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh T.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Phú Thuận 2, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/7/2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng N cưới nhau năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Chị về sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N thường hay đánh chị, vợ chồng thường xuyên cự cải. Chị và anh N ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, mỗi người sống riêng, cả hai không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị và anh N có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/8/2004 hiện anh N đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

- Về con chung: Chị đồng ý để N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2019, bị đơn anh Nguyễn Trọng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị H yêu được ly hôn anh đồng ý. Con chung có 01 con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/8/2004 đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn anh Nguyễn Trọng N các lần hòa giải, xét xử đều vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H. Con chung: Để anh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N khai thống nhất không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Trọng N đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt và nhận hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh N vẫn vắng mặt, anh N vẫn còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng N cưới năm 2003, đăng ký kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H về sống cùng gia đình chồng, cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh N thường hay đánh chị, vợ chồng thường xuyên cự cải. Chị H và anh N ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, mỗi người sống riêng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, không hàn gắn lại tình cảm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2019 anh N đồng ý ly hôn với chị H. Điều đó chứng tỏ anh N không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị H, hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh N. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng N khai thống nhất anh chị chung sống có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/8/2004, con chung hiện nay anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị H đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2019 là phù hợp theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2019 anh N có khai anh nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh N nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng N khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị H phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 233, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thị H.

2. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng N.

3.Về con chung:

Ghi nhận chị Lê Thị H đồng ý để anh Nguyễn Trọng N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 03/8/2004. Ghi nhận anh Nguyễn Trọng N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị H và anh N chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh N có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Trọng N khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005853 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Nguyễn Trọng N vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại;
- UBND xã Long Hòa
(Số 16, quyển số 01/2005);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương